TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2024
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Phượng**
2. Bà **Võ Thị Điệp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 17/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 597/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 607/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Dương Thị S, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Gáo G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lê Thanh C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp 5, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Sáu có mặt, anh Cần vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị S trình bày:

Chị S và anh Lê Thanh C quen biết và có tình cảm yêu thương với nhau, sau đó gia đình tổ chức đám cưới cho chị S và anh C vào năm 2019 vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C,

thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian, vợ chồng không còn tiếng nói chung, phát sinh mâu thuẫn cho nên không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh C.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Thanh C đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C không có văn bản ý kiến. Tòa án triệu tập anh C để tham gia phiên hòa giải và xét xử nhưng anh C vẫn không có mặt không lý do.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- CCCD của Nguyên đơn Dương Thị S (bản photo);
- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản photo);
- Bản tự khai (bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ chị Sáu đều thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị S về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh C, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*".

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Thanh C là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Thanh C theo quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán chủ toạ phiên toà là bà Võ Thị Ngọc Minh. Tuy nhiên bà Võ Thị Ngọc Minh đang nghỉ theo chế độ thai sản nên bà Phạm Thị Kim Yến được phân công xét xử vụ án. Đương sự có mặt đồng ý về sự thay đổi Thẩm phán và không yêu cầu thay đổi ai trong thành phần những người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Sáu và anh Lê Thanh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân của chị S và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiêu sau một thời gian, vợ chồng không còn tiếng nói chung, phát sinh mâu thuẫn nên không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Lê Thanh C tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng lại vắng mặt không có lý do cũng như không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị S. Do đó, hôn nhân giữa chị S và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị S và anh C là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Sáu.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị Sáu phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Sáu đã nộp theo biên lai số 0004692 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị S.

- Về hôn nhân: Dương Thị S được ly hôn với anh Lê Thanh C.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Sáu phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai số 0004692 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị S đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị S và anh Lê Thanh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND xã G;
- Lưu (Y).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Phạm Thị Kim Yến